

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NA LOGISTIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NA LOGISTIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NA LOGISTIC IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NA LOGISTIC IM - EX CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110904738

**3. Ngày thành lập:** 02/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14 đường Nước Phấn Lan kéo dài, Ngõ 238, Tổ 6, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0346620070

Fax:

Email: [anhduc1998tlhp@gmail.com](mailto:anhduc1998tlhp@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(không hoạt động tại trụ sở)                   | 5510     |
| 2.  | Cơ sở lưu trú khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                          | 5590     |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                            | 5610     |
| 4.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng | 5621     |
| 5.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                        | 5629     |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                     | 5630     |
| 7.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                          | 6311     |
| 8.  | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                   | 6312     |
| 9.  | Phá dỡ<br>(Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                    | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)                         | 4312     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                       | 4321     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà<br>không khí    | 4322     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                              | 4329     |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                              | 4330     |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                         | 4390     |
| 16. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)    | 4511     |

|     |                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                 | 4512 |
| 18. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                      | 4513 |
| 19. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                     | 4530 |
| 20. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                  | 4543 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                                   | 4610 |
| 22. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư) | 4620 |
| 23. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                              | 4631 |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                          | 4632 |
| 25. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                            | 4633 |
| 26. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                       | 4634 |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                        | 4641 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                          | 4649 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                         | 4651 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                          | 4652 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                      | 4653 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                             | 4659 |
| 33. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                | 4661 |
| 34. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không bao gồm mua bán vàng miếng)                                                                                   | 4662 |
| 35. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                     | 4663 |
| 36. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)                      | 4669 |
| 37. | Bán buôn tổng hợp<br>(Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                              | 4690 |
| 38. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                        | 4711 |
| 39. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                          | 4719 |
| 40. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4721 |
| 41. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4722 |
| 42. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4723 |
| 43. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4724 |
| 44. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4730 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 45. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4741        |
| 46. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                     | 4742        |
| 47. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                               | 4751        |
| 48. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4752        |
| 49. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                   | 4753        |
| 50. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4759        |
| 51. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4761        |
| 52. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4762        |
| 53. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4763        |
| 54. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại trò chơi, đồ chơi có hại cho việc giáo dục phát triển nhân cách và sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội)                                                          | 4764        |
| 55. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4771        |
| 56. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)                                                                                                                                      | 4772        |
| 57. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và kim khí)                                                                                                                                                   | 4773(Chính) |
| 58. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: hóa chất, động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư; Kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu; Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí) | 4789        |
| 59. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                     | 4791        |
| 60. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                | 4799        |
| 61. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 62. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 63. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                     | 5222        |

|     |                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 64. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                        | 5224 |
| 65. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                     | 5225 |
| 66. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay) | 5229 |
| 67. | Chuyển phát<br>(Không bao gồm chuyển tiền, ngoại tệ)                                                                                        | 5320 |
| 68. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                               | 7721 |
| 69. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                   | 7729 |
| 70. | Đại lý du lịch                                                                                                                              | 7911 |
| 71. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                       | 7912 |
| 72. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                         | 7990 |
| 73. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh         | 8299 |
| 74. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô                                                    | 4932 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VƯƠNG QUANG SEN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 31/12/1998 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031098005287

Ngày cấp: 23/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1, Ngõ 104, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1, Ngõ 104, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VƯƠNG QUANG SEN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/12/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031098005287

Ngày cấp: 23/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1, Ngõ 104, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1, Ngõ 104, Khu 2, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội